TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81 /2020 / HNGĐ-ST.
Ngày: 31 – 12 – 2020 .
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn ĐinhCường

2. Ông Nguyễn Văn Phẩm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: ông Phạm Hồng Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 187/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2020; Về việc: *" Xin ly hôn, nuôi con chung "* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Cao Văn H, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 6 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị N trình bày:

Nguyên vào năm 2002 chị N, anh Cao Văn H tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, sau đó có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2003, ngày 06/7/2003.

Chị N , anh H sinh sống tại xã M, huyện Mang Thít , tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung là Cao Mạnh K, sinh ngày 20/ 8/ 1997, Cao Mạnh T, sinh ngày 08/7/2003. Khoảng đầu năm 2020 thì vợ, chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay đã ly thân không đoàn tựu lại, nguyên nhân do vợ, chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Nay cảm thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Cao Văn H.

- Về con chung: Cháu Cao Mạnh K đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Cao Mạnh T có nguyện vọng sống chung với chị N nên chị tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, về nợ: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh đã cung cấp cho Tòa án và được họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị N xác định là đầy đủ và không cung cấp chứng cứ thêm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trương Thị N ly hôn anh Cao Văn H.

Về con chung: Giao con chung Cao Mạnh T, sinh ngày 08/7/2003 cho chị N nuôi dưỡng, do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là "Ly hôn, nuôi con chung" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại Ấp P, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng qui định theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2002 chị N, anh H kết hôn, tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị N trình bày đời sống vợ, chồng của chị xảy ra nhiều mâu thuẩn, đã ly thân nhau không đoàn

tựu lại, anh H không có ý kiến phản bác nên lý do ly hôn là có căn cứ. Hội đồng xét xử cho ly hôn là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[2.2] Về con chung: Theo nguyện vọng của con chung Cao Mạnh T, sinh ngày 08/7/2003 được sống chung với chị Trương Thị N, giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, con chung Cao Mạnh K, sinh năm 1997 đã trưởng thành, đủ khả năng nhận thức, lao động nên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét là phù hợp Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, 228 và Điều 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho nguyên đơn Trương Thị N ly hôn với bị đơn Cao Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Cao Mạnh T, sinh ngày 08/7/2003 cho chị Trương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Cao Văn H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Con chung Cao Mạnh K, sinh năm 1997 đã trưởng thành, đủ khả năng nhận thức, lao động không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trương Thị N nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số $N^0$0002910, ngày 17/6/2020.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm công khai. Đương sự vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được cấp, phát, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện MT 01b;
- THA DS huyện MT 01b;
- Phòng KTNV & THA TAT 01b;
- UBND xã M 01b;
- Các đương sự 02bản ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo